

1 GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ SGK NGỮ VĂN 6

1.1. Quan điểm biên soạn

a. Quan điểm biên soạn SGK Ngữ văn Trung học cơ sở

- SGK Ngữ văn Trung học cơ sở, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, được biên soạn theo mô hình SGK phát triển năng lực và phẩm chất của người học. Thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe, với hệ thống VB được kết nối chặt chẽ trên cả trực chủ đề và trực thể loại, HS được phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học cũng như các năng lực tự chủ và tự học, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đồng thời, SGK cũng bồi dưỡng cho HS các phẩm chất chủ yếu được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông mới, đặc biệt là những phẩm chất gắn với đặc thù của môn Ngữ văn như: lòng nhân ái, khoan dung, tình yêu quê hương đất nước.
- Sách chủ trương dạy học tích hợp các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe trong cùng một bài học; tích hợp dạy học kiến thức ngôn ngữ và kiến thức văn học với hoạt động đọc, viết, nói và nghe; tích hợp kiến thức ngôn ngữ, văn học với kiến thức về văn hoá, khoa học, nghệ thuật bảo đảm mục tiêu phát triển hiệu quả các năng lực và phẩm chất của người học.
- Sách trình bày tường minh các yêu cầu cần đạt của bài học và hướng dẫn các hoạt động một cách cụ thể để nhằm phát huy cao nhất khả năng tự học của HS. Đồng thời với độ mở khá rộng, sách khơi gợi khả năng sáng tạo cho người sử dụng.

b. Quan điểm biên soạn SGK Ngữ văn 6

Tuân thủ quan điểm biên soạn SGK Ngữ văn THCS nói chung, nhưng sách Ngữ văn 6 có một số định hướng riêng, do lứa tuổi lớp 6 đánh dấu giai đoạn chuyển tiếp quan trọng trong quá trình trưởng thành của HS. Các em vừa hoàn thành chương trình cấp Tiểu học và đang thích ứng dần với yêu cầu học tập ở một cấp học mới. Với môn Ngữ văn, sự chuyển tiếp quan trọng nhất thể hiện ở chỗ HS chuyển từ yêu cầu biết đọc, viết, nói và nghe ở mức độ căn bản sang yêu cầu biết phân biệt rõ các thể loại, loại VB (gọi chung là thể loại) để đọc, viết, nói và nghe theo mô hình do thể loại quy định. SGK Ngữ văn 6 thiết kế hệ thống bài học theo các chủ đề, lựa chọn ngữ liệu và hướng dẫn quy trình dạy học đọc, viết, nói và nghe theo cách phù hợp với đặc điểm nhận thức, tâm lí của HS. Sách cũng chú trọng giúp HS xác định rõ hơn yêu cầu của bài học, cách thức giải quyết các nhiệm vụ của bài học trong từng hoạt động cụ thể, để học tập một cách tích cực, chủ động và sáng tạo.

1.2. Những điểm mới của SGK Ngữ văn 6

SGK Ngữ văn 6 tiếp cận mô hình SGK Ngữ văn của các nước phát triển. Cách lựa chọn các yêu cầu cần đạt (chuẩn cần đạt) của chương trình để cài đặt thành các yêu cầu cần đạt của từng bài học; cách triển khai các hoạt động dạy học nhằm đạt được yêu cầu mà bài học đề ra; cách khai thác ngữ liệu và kiến thức ngữ văn với mục đích phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học của người học,... đều có dấu ấn của kinh nghiệm quốc tế, nhất là từ các nước như Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Australia, Hàn Quốc, Singapore,... SGK Ngữ văn 6 đồng thời cũng là kết quả kế thừa kinh nghiệm và thành tựu trong lĩnh vực nghiên cứu, biên soạn SGK và dạy học Ngữ văn của Việt Nam trong những thập niên qua, trong đó có kinh nghiệm thiết kế bài học tích hợp và sắp xếp cụm bài học theo thể loại, loại VB. Sau đây là những điểm mới cơ bản của SGK Ngữ văn 6 kết tinh từ cả kinh nghiệm, thành tựu biên soạn SGK Ngữ văn của quốc tế và Việt Nam.

a. Hệ thống bài học được thiết kế theo hệ thống chủ đề và thể loại, loại VB, bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực của HS

Ngữ văn 6 gồm có 10 bài học. Tên bài cũng chính là tên chủ đề (trừ bài 10 là một dự án đọc sách). Các VB được lựa chọn làm ngữ liệu trong mỗi bài vừa có nội dung gắn với chủ đề vừa có đặc điểm của thể loại, loại VB trọng tâm của bài đó. Cụ thể: 1. *Tôi và các bạn* (thể loại chính: truyện); 2. *Gõ cửa trái tim* (thể loại chính: thơ); 3. *Yêu thương và chia sẻ* (thể loại chính: truyện); 4. *Quê hương yêu dấu* (thể loại chính: thơ); 5. *Những nẻo đường xứ sở* (thể loại chính: du ký); 6. *Chuyện kể về những người anh hùng* (thể loại chính: truyền thuyết); 7. *Thế giới cổ tích* (tập trung vào truyện cổ tích); 8. *Khác biệt và gần gũi* (loại VB chính: nghị luận); 9. *Trái Đất – ngôi nhà chung* (loại VB chính: VB thông tin); 10. *Cuốn sách tôi yêu* (dự án đọc sách). Hệ thống chủ đề trong cả bộ sách được sắp xếp từ gần gũi (bản thân, gia đình, bè bạn: *Tôi và các bạn, Gõ cửa trái tim*) đến rộng lớn (xã hội, quê hương, đất nước: *Yêu thương và chia sẻ, Quê hương yêu dấu, Những nẻo đường xứ sở*); từ những câu chuyện đời xưa (*Chuyện kể về những người anh hùng, Thế giới cổ tích*) đến những vấn đề của cuộc sống hiện tại (*Khác biệt và gần gũi, Trái Đất – ngôi nhà chung*). Mỗi chủ đề bao quát một phạm vi đời sống đủ rộng, phù hợp với khả năng, nhu cầu nhận thức của HS và có thể giúp các em hình thành, phát triển những phẩm chất cần thiết. Chẳng hạn, trong bài 1. *Tôi và các bạn*, hoạt động đọc, viết, nói và nghe được thiết kế gắn với các VB có chung đề tài là tình bạn giữa những nhân vật đang trong quá trình trải nghiệm cuộc sống để trưởng thành, gồm: *Bài học đường đời đầu tiên* (trích *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài), *Nếu cậu muốn có một người bạn...* (trích *Hoàng tử bé* của Antonie de Saint-Exupéry), *Bắt nạt* (Nguyễn Thế Hoàng Linh), *Những người bạn* (trích *Tôi là Bê-tô* của Nguyễn Nhật Ánh). Qua việc đọc các VB cũng như viết, nói và nghe về những gì được gợi ra từ VB, HS được bồi dưỡng tình yêu thương, lòng trắc ẩn, đức khiêm tốn, thái độ chan hoà,... Ở bài 5. *Những nẻo đường xứ sở*, từ hoạt động đọc hiểu các VB *Cô Tô* (Nguyễn Tuân), *Hang Én*

(Hà My), *Cửu Long Giang ta ơi* (Nguyễn Hồng), *Nghìn năm tháp Khuênh Mỹ* (Lam Linh), HS có được những trải nghiệm phong phú về các vùng miền của đất nước với những vẻ đẹp đa dạng; được viết, nói và nghe về những nội dung có sự kết nối ở những mức độ khác nhau với VB đọc. Từ đó, các em thêm yêu và tự hào về quê hương đất nước.

SGK *Ngữ văn 6* có hệ thống thể loại và loại VB rất đa dạng, đủ đáp ứng các yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, được phân bố, đan xen hợp lí. Sau khi được đọc VB thuộc các thể loại, loại: truyện, thơ, kí, truyện dân gian, VB nghị luận, VB thông tin, HS có cơ hội vận dụng tổng hợp vốn sống, trải nghiệm cũng như kỹ năng đọc, viết, nói và nghe được tích luỹ, rèn luyện trong cả năm học vào một dự án giàu tính trải nghiệm, được chọn đọc những cuốn sách yêu thích, luyện viết và sáng tạo những sản phẩm mang đậm dấu ấn cá nhân của mỗi em.

Cách thiết kế các bài học vừa dựa vào chủ đề vừa dựa vào thể loại, loại VB có những ưu thế sau: 1) Hệ thống chủ đề tạo sự kết nối về đề tài, nội dung giữa các VB trong một bài và giữa các bài, thuận lợi cho mục tiêu phát triển vốn sống, trải nghiệm cho HS ở độ tuổi lớp 6 nói riêng và THCS nói chung, góp phần bồi dưỡng tình cảm, phẩm chất cho người học. 2) Hệ thống thể loại, loại VB tạo được mô hình đọc hiểu và viết, ở mức độ nào đó là cả nói và nghe; giúp HS phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học một cách hiệu quả. Nhờ đó, SGK *Ngữ văn 6* bảo đảm các yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe được kết nối chặt chẽ với nhau và với các nội dung dạy học nhằm phát triển phẩm chất và năng lực cho HS theo cách hiệu quả nhất.

Bên cạnh phẩm chất và năng lực đặc thù, *Ngữ văn 6* còn hướng tới mục tiêu phát triển năng lực chung cho HS. Tất cả các bài học đều có nội dung kết nối với cuộc sống, đặt ra những vấn đề đòi hỏi HS phải có chủ kiến, biết suy nghĩ, tìm tòi các giải pháp phù hợp với khả năng của các em. Các hoạt động được thiết kế trong các bài học giúp HS phát triển khả năng tự học, tạo điều kiện cho HS trao đổi nhóm, thảo luận và trình bày ý kiến, cảm xúc một cách cởi mở. Như vậy, không chỉ các phẩm chất và năng lực đặc thù mà các năng lực chung của HS cũng được phát triển hài hoà trong quá trình học tập.

b. Mỗi bài học được thiết kế theo mạch các hoạt động đọc, viết, nói và nghe nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học cho HS

Trong mỗi bài học, các hoạt động đọc, viết, nói và nghe được thiết kế liên mạch và kết nối chặt chẽ với nhau. Hoạt động đọc giúp HS nắm được nội dung VB, đặc điểm thể loại, loại VB, huy động vốn sống, trải nghiệm để hiểu VB. Với những kiến thức, kỹ năng, vốn sống, trải nghiệm có được từ việc đọc, HS được hướng dẫn viết kiểu VB tương đương, theo một quy trình cụ thể, bài bản. Hoạt động nói và nghe được tổ chức trên cơ sở sản phẩm của hoạt động đọc hoặc viết. Như vậy, *Ngữ văn 6* lấy hoạt động đọc làm cơ sở, cung cấp chất liệu cho các hoạt động viết, nói và nghe. Có thể được xem là một điểm nhấn quan trọng của *Ngữ văn 6*.



Để HS có thể đóng vai trò tích cực và chủ động trong quá trình đọc, trong phần mở đầu bài học, *Ngữ văn 6* thiết kế mục *Tri thức ngữ văn* nhằm giúp HS có được những hiểu biết căn bản về thể loại, loại VB để đọc hiểu theo đặc điểm, yêu cầu đối với mỗi thể loại, loại VB. Từ đó, HS biết cách đọc VB thuộc từng thể loại, loại VB và phát triển năng lực đọc hiểu. Ngoài kiến thức về văn học, mục *Tri thức ngữ văn* còn trang bị cho HS kiến thức về tiếng Việt để hiểu được cách tác giả biểu đạt ý tưởng và thông tin. Đặc biệt, nhiều VB đọc trong *Ngữ văn 6* đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật sử dụng ngôn từ. Việc trang bị các kiến thức về tiếng Việt góp phần giúp HS có được công cụ hữu hiệu để “giải mã” những nét đặc sắc về hình thức biểu đạt của VB. Sau khi được trang bị tri thức ngữ văn, HS tham gia vào tiến trình đọc gồm 3 bước: trước khi đọc, trong khi đọc và sau khi đọc. *Trước khi đọc* có mục tiêu giúp HS huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc nhằm chuẩn bị tiếp cận VB đọc với tư cách một người đọc chủ động và tích cực. *Trong khi đọc* gắn với các chiến lược đọc phù hợp đối với từng VB cụ thể như theo dõi, tưởng tượng, dự đoán, suy luận,... giúp HS xác định và vận dụng những thao tác tư duy phù hợp trong quá trình đọc để nắm bắt kịp thời những chi tiết quan trọng về hình thức và nội dung của VB, làm cơ sở để giải quyết nhiệm vụ sau khi đọc. *Sau khi đọc* gồm các câu hỏi được phân chia theo cấp độ nhận thức, từ *nhận biết* đến *phân tích, suy luận và đánh giá, vận dụng*. Những câu hỏi này không chỉ hướng dẫn HS đọc hiểu chính VB vừa đọc mà còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực đọc cho HS thông qua việc giúp các em định hình cách đọc một thể loại, loại VB.

Trong *Ngữ văn 6*, hoạt động viết được thực hiện ở 2 phần: *Viết kết nối với đọc* và *Viết bài theo kiểu VB*. *Viết kết nối với đọc* được đặt ngay sau các câu hỏi đọc hiểu ở mỗi VB đọc chính trong bài. Phần này chỉ yêu cầu HS viết những đoạn văn ngắn có nội dung được gợi ra từ VB mà các em vừa đọc, tạo cơ hội cho HS được luyện viết thường xuyên với yêu cầu đơn giản, nhẹ nhàng, từ đó giúp các em có thói quen, kĩ năng và hứng thú viết. *Viết bài theo kiểu VB* là một nội dung quan trọng của bài học, có chỉ dẫn cụ thể về quy trình viết các kiểu VB theo yêu cầu cần đạt được quy định trong chương trình. Quy trình này được thiết kế chi tiết, hướng dẫn HS thực hiện từng bước để đạt đến sản phẩm cuối cùng: xác định kiểu VB viết và các yêu cầu đối với kiểu VB đó; phân tích bài viết tham khảo; triển khai viết theo các bước: xác định đề tài, mục đích viết và người đọc, tìm ý và lập dàn ý, kiểm tra và chỉnh sửa bài viết. Quy trình xử lý thông tin, phân tích ý tưởng, vận dụng ngôn ngữ để truyền đạt thông tin, biểu đạt ý tưởng và tổ chức ngôn ngữ theo đặc trưng kiểu bài viết cụ thể đều được trình bày rõ ràng để HS có thể thực hành theo hướng dẫn. Việc thực hành viết tuân thủ các yêu cầu đối với từng kiểu VB và dựa trên bài viết tham khảo sẽ giúp HS nắm vững mô hình VB viết và hình dung được cụ thể mô hình đó qua một VB cụ thể, tránh được lỗi viết tuỳ tiện. Tuy vậy, cách dạy viết này hoàn toàn khác với dạy viết “theo văn mẫu” thường bị chỉ trích lâu nay. Trong khi viết “theo văn mẫu”, HS sao chép đến cả chất liệu, ý tưởng thì cách dạy viết trong sách *Ngữ văn 6* chỉ cho HS tham khảo cấu trúc của bài viết (một VB

được viết ra nhằm một mục đích giao tiếp nhất định thì phải có đặc điểm cấu trúc của một kiểu VB tương ứng), còn đề tài của bài viết là mới, vì vậy, chất liệu, ý tưởng phải là của chính các em.

Hoạt động nói và nghe tập trung vào việc trình bày một nội dung dựa trên kết quả của hoạt động đọc hoặc viết. Bằng cách đó, HS được nói và nghe, thảo luận, trao đổi và tương tác trên cơ sở những gì mình đã đọc hoặc viết. *Ngữ văn 6* thiết kế các hoạt động nói và nghe theo một quy trình tỉ mỉ và chặt chẽ; đặt ra yêu cầu HS phải xác định được mục đích nói và người tiếp nhận, phải tuân thủ các bước từ chuẩn bị nội dung nói và tập luyện đến trình bày bài nói và trao đổi về bài nói. *Ngữ văn 6* quan tâm tổ chức dạy học kĩ năng nói và nghe cho HS vì nó không chỉ tạo cơ hội cho các em phát triển năng lực giao tiếp mà còn góp phần phát triển hiệu quả năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo ở người học.

c. Kiến thức văn học và kiến thức tiếng Việt được hình thành, vận dụng, củng cố thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe; khả năng tích hợp liên môn giữa Ngữ văn với các môn học khác cũng được chú ý khai thác trong các bài học của Ngữ văn 6

Ngữ văn 6 không thiết kế những bài học độc lập, riêng biệt để dạy học kiến thức văn học và kiến thức tiếng Việt. Như đã nêu trên, kiến thức văn học và kiến thức tiếng Việt được trình bày trong phần *Tri thức ngữ văn*, được coi là công cụ để HS đọc hiểu. Đó là những kiến thức cơ bản, thiết yếu được lựa chọn và trình bày theo yêu cầu đọc hiểu được quy định trong chương trình, chứ không nhằm cung cấp kiến thức lí thuyết theo logic của khoa học nghiên cứu văn học. Phần *Thực hành tiếng Việt* sắp xếp sau hoạt động đọc hiểu VB tạo cơ hội cho HS vận dụng các kiến thức tiếng Việt để nhận biết và phân tích tác dụng của việc sử dụng ngôn ngữ trong biểu đạt ý nghĩa, qua đó có thể đọc hiểu VB tốt hơn. Đồng thời, HS cũng có thể vận dụng các kiến thức tiếng Việt đó để viết, từ viết đoạn ngắn đến viết một VB trọn vẹn. Việc đặt *Thực hành tiếng Việt* sau hoạt động đọc, tiếp theo đó là viết, nói và nghe về những vấn đề được gợi ra từ VB đọc cho thấy rõ định hướng tổ chức dạy học tiếng Việt của *Ngữ văn 6* nhất quán theo quan điểm dạy học ngôn ngữ bám sát ngữ cảnh (Teaching language in context) nhưng vẫn bảo đảm tính hệ thống tương đối của kiến thức ngôn ngữ. Đó cũng là cách dạy học ngôn ngữ trong môn Ngữ văn mà các nước phát triển đã áp dụng từ nhiều thập kỷ qua.

Ngữ văn 6 không chỉ mở ra cánh cửa vào thế giới của ngôn ngữ và văn học với các VB truyện, thơ, kí giàu tính thẩm mĩ, các VB nghị luận chặt chẽ, sinh động, các VB thông tin chứa đựng nhiều kiến thức bổ ích, hấp dẫn, mà còn tạo điều kiện cho GV và HS có thể vận dụng những kênh thông tin khác nhau, những hiểu biết về các loại hình nghệ thuật, các lĩnh vực khoa học,... để tổ chức các hoạt động dạy học một cách sinh động. Cách thiết kế *Ngữ văn 6* bảo đảm không gian sáng tạo văn học và nghệ thuật cho cả thầy và trò.



d. Mục tiêu phát triển hứng thú, thói quen, kĩ năng tự đọc sách của HS được đặc biệt chú trọng

Ngoài hoạt động đọc mở rộng theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, *Ngữ văn 6* thiết kế mục *Thực hành đọc* sau phần *Củng cố, mở rộng* của mỗi bài học. Thực hành đọc cung cấp VB cùng thể loại, loại VB và cùng chủ đề với những VB đọc chính trong bài để HS có cơ hội vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học trong việc đọc một VB mới. Trước mỗi VB thực hành đọc có một số gợi ý, hướng dẫn. Qua nhiều lần thực hành đọc ở các bài, HS tiến dần đến mục tiêu trở thành một người đọc độc lập. Đặc biệt, bài 10. *Cuốn sách tôi yêu* được thiết kế dưới hình thức dự án dạy học Ngữ văn, dành thời gian để HS có thể đọc các tác phẩm tự chọn, viết, vẽ sáng tạo, trình bày và giới thiệu sản phẩm nghệ thuật (kết quả của hoạt động đọc, viết). Hoạt động học tập môn Ngữ văn được đa dạng hóa, trở nên sinh động và hấp dẫn hơn, qua đó HS có thể bộc lộ, phát triển cá tính, sở trường một cách tích cực.